



yuè fèn

月份

Noun · month

Example Sentences

zhè ge yuè fèn yǒu sān shí yī tiān

这个月份有三十一天。

This month has thirty-one days.

bā yuè shì yì nián zhōng zuì rè de yuè fèn

八月是一年 中 最热的月份。

August is the hottest month of the year.

là yuè shì yì nián zhōng zuì lěng de yuè fèn

腊月是一年 中 最冷的月份。

The twelfth lunar month is the coldest month of the year.

Trace each character, then write the word on your own.

月 月 月 月 月 月 月

份 份 份 份 份 份 份 份 份